

Số: 94/2022/QĐST-HNGĐ

Sông Công, ngày 07 tháng 11 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 09/2022/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2022, giữa:

**Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Văn Th, sinh năm 1964,

Địa chỉ: Thôn Ph Cốc, xã Tân Ph, thị xã Ph Yên, Thái Nguyên

**Bị đơn:** Chị Trần Thị C, sinh năm 1966,

Địa chỉ: Xóm B Vân 2, xã Bình Sơn, Thành phố Sông Công, Thái Nguyên

**Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà C:**

Ông Phạm Ngọc Sĩ, Luật sư – Công ty luật TNHH Trường Tín, Đoàn Luật sư Tp Hà Nội,

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Đào Quang Ph, sinh năm 1968,

2. Bà Lý Thị T, sinh năm 1968,

Đều trú tại: Xóm B Vân 2, xã Bình Sơn, Tp Sông Công, Thái Nguyên.

3. Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1984,

Địa chỉ: Xóm C Lân, thị trấn Du, huyện Ph Lương, tỉnh Thái Nguyên

4. Anh Nguyễn Tiến N, sinh năm 1996,

Địa chỉ: Xóm B Vân 2, xã Bình Sơn, Tp Sông Công, Thái Nguyên

Căn cứ vào Điều 146, 147, 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 54, 55, 59, 60, 62 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 28 tháng 10 năm 2022.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 28 tháng 10 năm

2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7(bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:** Anh Nguyễn Văn Th và chị Trần Thị C.

**2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn Th và chị Trần Thị C đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, nhất trí thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có 02 con chung Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 20/8/1984; Nguyễn Tiến N, sinh ngày 15/01/1996. Hai con chung đã trưởng thành tự nuôi sống được bản thân không yêu C Tòa án giải quyết.

**- Về tài sản chung:**

**\* Anh Th, chị C xác định tài sản chung vợ chồng gồm có:**

+ Thửa đất số 190B, tờ bản đồ 95-IV, diện tích 1033m<sup>2</sup> mục đích sử dụng trên giấy CNQSD đất là đất chèn do UBND thị xã Sông Công (nay là thành phố Sông Công) cấp ngày 28/02/2007 số AĐ 619611 có địa chỉ tại xóm B Vân 2, xã Bình Sơn, Tp Sông Công, Thái Nguyên.

+ Thửa đất số 151c, tờ bản đồ số 95-IV, diện tích 1120m<sup>2</sup> (trong đó đất ở nông thôn là 400m<sup>2</sup>, đất cây lâu năm 720m<sup>2</sup>) đã được UBND thị xã Sông Công (nay là thành phố Sông Công) cấp ngày 28/02/2007 số AĐ 619608 có địa chỉ tại xóm B Vân 2, xã Bình Sơn, Tp Sông Công, Thái Nguyên.

Tài sản trên thửa đất số 151c có 01 ngôi nhà cấp 4, mái lợp ngói đỏ, diện tích 49m<sup>2</sup>, xây dựng năm 2011, Tờng 220. Trần tôn 45m<sup>2</sup>, nền lát gạch Ceramic. Bếp mái lợp proximi măng diện tích 18m<sup>2</sup>, Tờng xây 110, bô trụ 220, trần tôn, lát nền gạch đỏ. Sân lát gạch đỏ diện tích 73m<sup>2</sup>, gạch hoa diện tích 17,7m<sup>2</sup>, mái lợp tôn diện tích 38,4m<sup>2</sup>. Chuồng trại xây gạch siliCt, mái lợp proximi măng. Hàng rào siliCt 20m, Co 0,9m, dày 0,1m, dài 18m, Co 1,7m, có địa chỉ tại xóm B Vân 2, xã Bình Sơn, Tp Sông Công, Thái Nguyên. (theo biên bản thẩm định ngày 15/3/2021).

+ Thửa 321b, tờ bản đồ 96-III, mục đích sử dụng là đất T, diện tích 150m<sup>2</sup>. Thửa 320 tờ bản đồ 96-III mục đích sử dụng là đất màu, diện tích 31m<sup>2</sup>. Thửa 320c, tờ bản đồ số 96-III mục đích sử dụng là đất vườn, diện tích 119m<sup>2</sup> đã được cấp giấy CNQSD đất số Đ 380081 do UBND thị xã Sông Công cấp ngày 11/12/2003 mang tên bà Trần Thị C, có địa chỉ tại xóm B Vân 2, xã Bình Sơn, Tp Sông Công, Thái Nguyên.

**\* Anh Th, chị C, anh Ph, chị H, anh N thỏa thuận, thống nhất không yêu C Tòa án giải quyết, phân chia đối với 3 thửa đất là:** Thửa 321b, tờ bản đồ 96-III, mục đích sử dụng là đất T, diện tích 150m<sup>2</sup>. Thửa 320 tờ bản đồ 96-III mục đích sử dụng là đất màu, diện tích 31m<sup>2</sup>. Thửa 320c, tờ bản đồ số 96-III mục đích sử dụng là đất vườn, diện tích 119m<sup>2</sup> đã được cấp giấy CNQSD đất số Đ 380081 do UBND thị xã Sông Công cấp ngày 11/12/2003 mang tên bà Trần Thị C, có địa chỉ tại xóm B Vân 2, xã Bình Sơn, Tp Sông Công, Thái Nguyên, không đề nghị giải quyết trong vụ án này.

**\* Đối với phần tài sản chung còn lại anh Th, chị C nhất trí thỏa thuận phân chia tài sản chung như sau:**

**Anh Nguyễn Văn Th được quyền quản lý, sử dụng:**

+ Thửa đất số 190B, tờ bản đồ 95-IV, diện tích 1033m<sup>2</sup> mục đích sử dụng trên giấy CNQSD đất là đất chèn (CLN). do UBND thị xã Sông Công (nay là thành phố Sông Công) cấp ngày 28/02/2007 số AĐ 619611 có địa chỉ tại xóm B Vân 2, xã Bình Sơn, Tp Sông Công, Thái Nguyên. Trị giá đất CLN là: 61.000 đồng/m<sup>2</sup>

a. Phía Đông tiếp giáp với đất nhà ông Tạ Văn B

b. Phía N tiếp giáp đường bê tông đi Hồ Ghềnh Chè

c. Phía tây tiếp giáp đất ở hộ ông Tạ Văn S

d. Phía Bắc tiếp giáp suối

Theo sơ đồ A, B, C, D, C, E, F, G, H, A chiều dài cạnh A-B = 22,38m; B-C = 2,67m; C-D = 30,92m; D-E = 10,17m; E-F = 8,49m; F-G = 17,00m; G-H = 36,29m; H-A = 5,73m (Có sơ đồ chi tiết kèm theo).

**\* Về tài sản trên đất:** Không có tài sản trên đất

Tổng trị giá toàn bộ tài sản anh Th được quyền quản lý, sử dụng có trị giá là: 63.013.000 đồng (S mươi ba triệu, không trăm mười ba nghìn đồng chẵn).

**Chị Trần Thị C được quyền quản lý, sử dụng:**

+ Thửa đất số 151c, tờ bản đồ số 95-IV, diện tích 1120m<sup>2</sup> (trong đó đất ở nông thôn là 400m<sup>2</sup>, đất cây lâu năm 720m<sup>2</sup>) đã được UBND thị xã Sông Công (nay là thành phố Sông Công) cấp ngày 28/02/2007 số AĐ 619608 có địa chỉ tại xóm B Vân 2, xã Bình Sơn, Tp Sông Công, Thái Nguyên. Trị giá đất CLN là: 61.000 đồng/m<sup>2</sup>; Đất ở NT là 700.000 đồng/m<sup>2</sup>.

a. Phía Đông tiếp giáp với ruộng hộ ông Ngô Văn Gi; ông Ngô Quang Văn; bà Đỗ Thị L

b. Phía Tây tiếp giáp hộ ông Tạ Văn B

c. Phía N tiếp giáp đường bê tông đi hồ Ghềnh Chè

d. Phía Bắc tiếp giáp suối và đất ruộng bà Đỗ Thị L

Theo sơ đồ 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 1. Chiều dài cạnh (m) 1-2 = 46,56 m; 2-3=10,20 m; 3-4= 12,61m; 4-5=23,80m; 5-6=5,64 m; 6-7=13,58 m; 7-8=4,83 m; 8-9=8,43 m; 9-10=11,82 m; 10-11=4,85 m; 11-12=6,98 m; 12-13=9,82 m; 13-14=13,27 m; 14-15=11,60 m; 15-1=11,48 m (*Có sơ đồ chi tiết kèm theo*).

**\*Về tài sản trên đất:** (Tài sản nằm trên thửa đất số 151c, tờ bản đồ số 95-IV). Bà C được sở hữu, sử dụng toàn bộ tài sản trên đất bao gồm: 01 ngôi nhà cấp 4, mái lợp ngói đỏ, diện tích 49m<sup>2</sup>, xây dựng năm 2011, Tờng 220. Trần tôn 45m<sup>2</sup>, nền lát gạch Ceramic. Bếp mái lợp proxy măng diện tích 18m<sup>2</sup>, Tờng xây 110, bô trụ 220, trần tôn, lát nền gạch đỏ. Sân lát gạch đỏ diện tích 73m<sup>2</sup>, gạch hoa diện tích 17,7m<sup>2</sup>, mái lợp tôn diện tích 38,4m<sup>2</sup>. Chuồng trại xây gạch siliCt, mái lợp proxy măng. Hàng rào siliCt 20m, Co 0,9m, dày 0,1m, dài 18m, Co 1,7m..., có địa chỉ tại xóm B Vân 2, xã Bình Sơn, Tp Sông Công, Thái Nguyên. (theo biên bản thẩm định ngày 15/3/2021). Giá trị tài sản trên đất: 145.165.000 đồng.

Tổng trị giá toàn bộ tài sản chị C được quyền sử dụng, sở hữu có trị giá là 468.165.000 đồng (*B trăm S mươi tám triệu, một trăm S mươi năm nghìn đồng*).

Các tài sản khác và cây trồng trên đất anh Th, chị C tự thỏa thuận không yêu C Tòa án giải quyết.

Do quá trình cấp giấy CNQSD đất đối với hai giấy CNQSD đất số AĐ 619608; AĐ 619611 đều cấp ngày 28/02/2007 có sự sai sót về họ của chị Trần Thị C (trong giấy CNQSD đất ghi là Nguyễn Thị C) nên khi thực hiện thủ tục đăng ký đất đai các bên có L quan có trách nhiệm thực hiện việc đính chính thông tin sai sót trên giấy CNQSD đất về thông tin đúng theo hồ sơ gốc theo qui định.

**Về nợ chung:** Không có

**3. Đối với số tiền chi phí tố tụng:** Anh Nguyễn Văn Th tự nguyện chịu toàn bộ, anh Th đã nộp tạm ứng và chi phí xong.

**4. Về án phí:** Anh Th phải chịu 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 1.575.300 đồng án phí tài sản có giá ngạch vào ngân sách nhà nước. Tổng anh Th phải chịu 1.725.300 đồng (*Một triệu, bảy trăm hai mươi năm nghìn, ba trăm đồng*), anh Th đã nộp 11.250.000 đồng. Trả lại anh Th 9.524.700 đồng (*Chín triệu, năm trăm hai mươi T nghìn, bảy trăm đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001559 ngày 22/3/2022 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Sông Công, Thái Nguyên.

Chị Trần Thị C phải chịu tiền án phí chia tài sản có giá ngạch vào ngân sách

nhà nước số tiền là 11.363.300đồng (*Mười một triệu, ba trăm S mươi ba nghìn ba trăm đồng*).

Hoàn trả anh Ph 11.750.000đồng (*Mười một triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001579 ngày 20/4/2022 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Sông Công, Thái Nguyên.

**5.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục Phc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND TP SCTN;
- THADS TP SCTN;
- Các đương sự;
- UBND xã Bình Sơn, TP SCTN;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Trần Thị Bình**